TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày 19/6/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Vinh.
2. Ông Nguyễn Thanh Phương.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Hiếu, cán bộ Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam – tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam – tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Ry, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 4 năm 2018 và ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-DS ngày 19/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 05/4/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 26/4/2018 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hữu T – sinh năm: 1967

Địa chỉ: Số 31/1 Phạm Ngọc Thạch, kp 1, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2/ Bị đơn:

Ông Lê Văn H – sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị T – sinh năm: 1975

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Do có quen biết với ông Lê Văn H nên ông có cho ông H mượn số tiền khoản 600.000.000 đồng và ông H có làm hợp đồng chuyển nhượng 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tuy nhiên, ông H xin ông hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên để ông H lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về bán với giá trị thực tế cao hơn giá trị chuyển nhượng và ông H hứa nếu bán được đất sẽ trả toàn bộ số tiền còn nợ cho ông. Sau khi ông làm thủ tục hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông Lê Văn H có viết giấy hẹn nợ cho ông với số tiền số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) vào ngày 10/3/2016 và hứa sau 45 ngày là vào ngày 25/5/2016 ông H sẽ trả cho ông số tiền trên. Nhưng đến nay, dù đã yêu cầu ông H trả tiền nhiều lần cho ông nhưng ông H chưa trả bất cứ số tiền nào cho ông.

Ông yêu cầu buộc ông H trả cho ông số tiền còn nợ ông là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và yêu cầu trả lãi suất, lãi suất được tính theo quy định của pháp luật là 0.75%/tháng được tính từ ngày 26/5/2016 cho đến ngày Tòa án xét xử là 19/6/2018, là 24 tháng 24 ngày với số tiền lãi được tính là 600.000.000 đồng x 0.75% x 24 tháng 24 ngày = 111.600.000 đồng (Một trăm mười một triệu sáu trăm đồng). Tổng cộng buộc ông Lê Văn H trả cho ông cả số tiền gốc với tiền lãi là 711.600.000 đồng (Bảy trăm mười một triệu sáu trăm đồng).

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày: .

Ông và bà Huỳnh Thị T có quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H**.** Do có quen biết từ trước và thường xuyên ghi số đề chỗ ông Nguyễn Hữu T bằng hình thức nhắn tin hoặc gọi điện qua số điện thoại của ông T ể ghi số đề nhiều lần, ông có nhiều lần trả tiền cho ông T, tiếp tục ghi số, nên đến ngày 10/3/2016, số tiền ông nợ ông T là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và cùng ngày thì ông có viết giấy nhận nợ cho ông T, giấy nhận nợ do chính ông viết và ký tên. Trong giấy hẹn nợ có hẹn ngày trả là ngày 25/5/2016, nhưng từ đó đến nay ông vẫn không thực hiện được việc trả tiền cho ông T. Việc ông H nợ tiền của ông T thì bà T vợ ông không biết, bà T vợ ông cũng không biết ông Nguyễn Hữu T là ai. Việc ông làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T không liên quan gì đến việc ông viết giấy nhận nợ 600.000.000 đồng cho ông T, đây là hai việc khác nhau. Nay ông T nộp

đơn yêu cầu ông trả số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu số tiền lãi, ông thừa nhận ông có nợ ông T số tiền 600.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho ông T số tiền 600.000.000 đồng, còn về số tiền lãi ông xin không trả phần tiền lãi do kinh tế gia đình ông đang khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bà và ông Lê Văn H có quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H. Bà không biết việc ông H có quen biết với ông Nguyễn Hữu T và bà không biết ông Nguyễn Hữu T là ai. Việc ông H vay ông T số tiền 600.000.000 đồng khi nào và vay để làm gì thì bà cũng không biết, bà không nghe ông H nói gì về số tiền này ông H cũng không đem số tiền vay này về nhà. Khi Tòa gửi thông báo thụ lý vụ án lúc đó bà mới biết sự việc ông H vay tiền của ông T bà có hỏi ông H về số tiền trên vay để làm gì thì ông Hưng không trả lời, nên bà cũng không hỏi gì thêm. Nay ông T nộp đơn yêu cầu ông H trả cho ông T số tiền nợ trên cũng với số tiền lãi thì bà không có ý kiến gì ông H vay thì ông H tự trả, đây là việc mượn tiền riêng của ông H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn H trả số tiền gốc cho ông T là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và số tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự không bị khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[3] Ông Nguyễn Hữu T nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án, hình thức và nội dung đơn phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[4] Ông Nguyễn Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Văn H, còn trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Người bị kiện là ông Lê Văn H có địa chỉ tại thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

[5] Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐST-DS ngày 19/3/2018 vụ án sẽ được đưa ra xét xử vào ngày 05/4/2018 nhưng tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại ngày mở phiên tòa vào ngày 26/4/2018 và đã tống đạt cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa 26/4/2018 bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung, tại phiên tòa ngày 26/4/2018 phát sinh cần bổ sung thêm một số tài liệu chứng cứ trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 26/4/2018 và thông báo mở lại phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 22/5/2018 phiên tòa mở lại vào ngày 19/6/2018 thông báo đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Lê Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T tiếp tục vắng mặt không có ly do. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[6] Về yêu cầu trả tiền gốc: Ông Nguyễn Hữu T yêu cầu ông Lê Văn H trả cho ông số tiền vay còn nợ là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ông Lê Văn H cũng đồng ý trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng phù hợp với giấy nhận nợ ghi ngày 10/3/2016.

[7] Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xét thấy đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T về việc yêu cầu ông Lê Văn H trả tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng.

[8] Về tiền lãi: Ông Nguyễn Hữu T yêu cầu ông Lê Văn H trả cho ông số tiền lãi của Hợp đồng vay tiền ngày 10/3/2016 với lãi suất 0,75%/tháng tính từ 26/5/2016 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm ngày (19/6/2018) là 24 tháng 24 ngày với số tiền lãi được tính là 600.000.000 đồng x 0.75% x 24 tháng 24 ngày = 111.600.000 đồng (Một trăm mười một triệu sáu trăm đồng) cho ông Nguyễn Hữu T là có căn cứ, bởi lẽ:

Theo quy định tại Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015 thì lãi suất cho vay không được quá 20%/năm của khoản tiền vay. Việc ông T yêu cầu lãi suất cho vay là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, số tiền lãi trong hợp đồng không tính đúng như thỏa thuận của hai bên, số tiền lãi yêu cầu từ thời điểm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Số tiền lãi ông Lê Văn H phải trả cho ông T số tiền lãi tính từ ngày 26/5/2016 đến tới ngày xét xử ngày 19/6/2018 là là 24 tháng 24 ngày với số tiền lãi được tính là 600.000.000 đồng x 0.75% x 24 tháng 24 ngày = 111.600.000 đồng (Một trăm mười một triệu sáu trăm đồng).

[9] Đối với ý kiến của ông Lê Văn H về số tiền lãi ông Lê Văn H xin không trả số tiền lãi mà ông T yêu cầu, nhưng không được ông Nguyễn Hữu T chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của ông H.

Từ nhận định trên, căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T. Buộc ông Lê Văn H phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền lãi là 111.600.000 đồng (Một trăm mười một triệu sáu trăm đồng).

[10] Về trách nhiệm liên đới của bà Huỳnh Thị T: Xét thấy vợ chồng ông H bà T có chung sống với nhau, nhưng khi vay tiền ông H không nói cho vợ mình biết, không đem số tiền đã vay về nhà, mục đích vay tiền để làm gì bà T cũng không rõ. Ông Lê Văn H cũng không sử dụng số tiền vay chi phí cho các nhu cầu của gia đình ông H và bà T, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hữu T chỉ yêu cầu một mình ông H trả số tiền trên. Căn cứ Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định bà Huỳnh Thị T không phải chịu trách nhiệm liên đới với ông Lê Văn H trong việc trả tiền cho ông Nguyễn Hữu T.

[11] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do yêu cầu của ông Nguyễn Hữu T được Tòa án chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 92, Điều 146, Điều147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 1 Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015
- Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu trả tiền:

1.1. Buộc ông Lê Văn H phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng vay tổng cộng là 711.600.000 đồng (Bảy trăm mười một triệu sáu trăm nghìn đồng); (trong đó tiền gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi là 111.600.000 đồng).

1.2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền ghi trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Ông Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017094 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

2.2. Ông Lê Văn H phải chịu 32.464.000 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 19/6/2018, vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
-Chi cục T.H.A.D.S huyện Hàm Thuận Nam;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Xô